

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ phân bổ vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xã Hoà Trạch năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HOÀ TRẠCH
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách;

Theo đề nghị của UBND Xã Hoà Trạch tại Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 24 tháng 07 năm 2025 của UBND Xã Hoà Trạch về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về phân bổ vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xã Hoà Trạch năm 2025; Báo cáo thẩm của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xã Hoà Trạch năm 2025 như sau:

Tổng nguồn vốn đề nghị phân bổ thực hiện: 2.409 triệu đồng

Bao gồm:

1. Vốn chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang 2025: 1.172 triệu đồng, trong đó:

- Vốn chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững: 222 triệu đồng
- Vốn chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM: 950 triệu đồng

2. Dự toán giao năm 2025: 1.237 triệu đồng, trong đó:

- Vốn chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững: 824 triệu đồng
- Vốn chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM: 413 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có những phát sinh ngoài dự toán, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Xã Hoà Trạch khoá I, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Sở Tài chính;
- Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Văn phòng HĐND và UBND;
- Các phòng chuyên môn;
- Website Xã Hoà Trạch;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Minh Đức



KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2025
XÃ HOÀ TRẠCH

(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Hoà Trạch)

Phụ lục 01

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 đã giao							Dự toán năm 2025 xã Hoà Trạch sau điều chỉnh			Đã thực hiện			Tiếp tục thực hiện		
		Tổng cộng	NSTW	NSDP	Trong đó				Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP
					Quảng Châu	Quảng Tùng	Cánh Dương	Phòng NN									
	Tổng cộng	2.409.00	1.414.00	995.00	370.00	678.00	1.011.00	700.00	2.409.00	1.414.00	995.00	890.65	90.65	800.00	1.518.35	1.323.35	195.00
A	Số chuyển nguồn 2024 sang năm 2025	1.172.00	527.00	645.00	42.00	180.00	600.00	350.00	1.172.00	527.00	645.00	638.65	38.65	600.00	533.35	488.35	45.00
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	222.00	177.00	45.00	42.00	180.00	-	-	222.00	177.00	45.00	38.65	38.65	-	183.35	138.35	45.00
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	34.00	34.00	-	34.00	-	-	-	34.00	34.00	-	30.65	30.65	-	3.35	3.35	-
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	180.00	135.00	45.00	-	180.00	-	-	180.00	135.00	45.00	-	-	-	180.00	135.00	45.00
3	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	8.00	8.00	-	8.00	-	-	-	8.00	8.00	-	8.00	8.00	-	-	-	-
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	950.00	350.00	600.00	-	-	600.00	350.00	950.00	350.00	600.00	600.00	-	600.00	350.00	350.00	-
1	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành Nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	350.00	350.00	-	-	-	-	350.00	350.00	350.00	-	-	-	-	350.00	350.00	-
2	Kinh phí khen thưởng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới, thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới	600.00	-	600.00	-	-	600.00	-	600.00	-	600.00	600.00	-	600.00	-	-	-
III	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và Miền núi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Dự toán giao năm 2025	1.237.00	887.00	350.00	328.00	498.00	411.00	350.00	1.237.00	887.00	350.00	252.00	52.00	200.00	985.00	835.00	150.00
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	824.00	824.00	-	297.00	297.00	230.00	-	824.00	824.00	-	-	-	-	824.00	824.00	-
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	700.00	700.00	-	250.00	250.00	200.00	-	700.00	700.00	-	-	-	-	700.00	700.00	-
3	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	90.00	90.00	-	35.00	35.00	20.00	-	90.00	90.00	-	-	-	-	90.00	90.00	-
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	34.00	34.00	-	12.00	12.00	10.00	-	34.00	34.00	-	-	-	-	34.00	34.00	-
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	413.00	63.00	350.00	31.00	201.00	181.00	350.00	413.00	63.00	350.00	252.00	52.00	200.00	161.00	11.00	150.00
1	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành Nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	-	-	-	-	-	-	350.00	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự xã hội nông thôn	63.00	63.00	-	21.00	21.00	21.00	-	63.00	63.00	-	52.00	52.00	-	11.00	11.00	-
3	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	30.00	-	30.00	10.00	10.00	10.00	-	30.00	-	30.00	30.00	-	30.00	-	-	-
4	Kinh phí khen thưởng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới, thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới	320.00	-	320.00	-	170.00	150.00	-	320.00	-	320.00	170.00	-	170.00	150.00	-	150.00

đưa



Phụ lục số 02

**DỰ TOÁN PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH MTQG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC
XÃ HOÀ TRẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 13/ NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Hoà Trạch)

Đơn vị: 1.000 đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	2,409,000	0	2,409,000	
I	Dự toán đã thực hiện	0	0	0	0	0	890,650	0	890,650	
-	Phòng Kinh tế (tổng hợp quyết toán)						890,650		890,650	
II	Dự toán tiếp tục thực hiện	0	0	0	0	0	1,518,350	0	1,518,350	
1	VP HĐND&UBND						11,000		11,000	
1.1	Số chuyển nguồn 2024 sang năm 2025						0		0	
1.2	Dự toán giao năm 2025						11,000		11,000	
-	Giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự xã hội nông thôn						11,000		11,000	
2	Phòng Văn hoá						1,007,350		1,007,350	
2.1	Số chuyển nguồn 2024 sang năm 2025						183,350	0	183,350	
-	GNBV: Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo						3,350		3,350	
-	GNBV: Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng						180,000		180,000	

Handwritten signature

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
2.2	Dự toán giao năm 2025						824,000	0	824,000	
-	GNBV: Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng						700,000		700,000	
-	GNBV: Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin						90,000		90,000	
-	GNBV: Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình						34,000		34,000	
3	Phòng Kinh tế						500,000	0	500,000	
3.1	Số chuyển nguồn 2024 sang năm 2025						350,000	0	350,000	
-	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành Nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn						350,000		350,000	
3.2	Dự toán giao năm 2025						150,000	0	150,000	
-	Kinh phí khen thưởng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới, thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới						150,000		150,000	

du